

Số: /GPMT-STNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 04/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3596/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết và quyết định một số thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước, Môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của UBND thành phố Hà Nội;

Xét văn bản số 368/BQL ngày 02/7/2024 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Chương Mỹ về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Đầu tư, nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ”, văn bản số 880/BQL ngày 15/8/2024 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội tại Báo cáo ngày 20/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho UBND huyện Chương Mỹ, có địa chỉ trụ sở chính tại: thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư: “Đầu tư, nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư, nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 120 khu Hoà Sơn, thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

1.3. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Y tế.

1.4. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Khu đất thực hiện dự án có diện tích 13.855,5m² (theo Quyết định số 2637/QĐ-UBND ngày 15/5/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao 13.855,5m² đất tại thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ cho Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ - Sở Y tế để tiếp tục sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm trụ sở làm việc, y tế).

- Quy mô đầu tư: (i) Xây mới: Nhà khám đa khoa và điều trị 09 tầng nổi + 01 tầng tum + 01 tầng hầm; khối nhà Khoa truyền nhiễm 04 tầng; nhà Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn 02 tầng; nhà hành lang cầu 03 tầng; nhà đại thể - tang lễ 01 tầng; (ii) Cải tạo các khối nhà: nhà C 05 tầng (chuyển đổi chức năng, bổ sung thang máy); nhà đặt hệ thống khí y tế và trạm

xử lý lọc nước RO, nhà trạm điện, nhà trạm xử lý nước thải và bể xử lý, nhà chứa và phân loại rác; (iii) Cải tạo nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo khớp nối theo tiêu chuẩn (cổng nhà thường trực, xây dựng lại tường rào, tôn nền, đường nội bộ, sân vườn, vỉa hè, bồn cây, hệ thống cấp thoát nước ngoài nhà, hệ thống cấp điện ngoài nhà, PCCC, bể nước ngầm,...); (iv) Phá dỡ các hạng mục: Nhà thuốc bệnh viện, Nhà A (khoa khám bệnh, Nhà B (nhà mượn trả đồ, cấp thuốc), Nhà E (khoa y học cổ truyền), Nhà D (khoa nhi), cổng - nhà trực bảo vệ, nhà khoa dinh dưỡng -nhà ăn, Nhà G (khu hành chính), Nhà H (khoa nội), nhà khoa truyền nhiễm, nhà khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, kho bảo quản chất thải y tế, nhà đại thể, nhà máy nước, nhà để xe dịch vụ, nhà để xe nhân viên, tường rào; (v) xây dựng nhà điều trị tạm thời trong thời gian thi công khối nhà khám đa khoa và điều trị; (vi) Đầu tư bổ sung hoàn chỉnh hệ thống thiết bị ngoài nhà, thiết bị công trình, thiết bị y tế theo tiêu chuẩn, định mức quy định.

- Quy mô giường bệnh: 290 giường bệnh.

(Theo Phụ lục 14 ban hành kèm Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành Phố Hà Nội về việc phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật; phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội).

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Chủ dự án đầu tư: UBND huyện Chương Mỹ.

Đơn vị quản lý, vận hành, sử dụng: Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ (được thành lập theo Quyết định số 561/2006/QĐ-UBND ngày 31/3/2006 của UBND tỉnh Hà Tây (trước đây) về việc thành lập Bệnh viện huyện Chương Mỹ trực thuộc Sở y tế tỉnh Hà Tây và đổi tên thành Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ tại Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 17/10/2008 của UBND thành phố Hà Nội).

- Thời gian thực hiện dự án: năm 2024-2026.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Chương Mỹ:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu

trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

3. Chủ dự án đầu tư chủ trì, phối hợp Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai dự án theo yêu cầu nêu tại giấy phép môi trường này.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Phòng Kiểm soát ô nhiễm môi trường phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố; | (để b/cáo)
 - Giám đốc Sở;
 - PGĐ Sở Nguyễn Minh Tấn;
 - Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT Hà Nội;
 - UBND huyện Chương Mỹ;
 - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Chương Mỹ;
 - Phòng Kiểm soát ô nhiễm môi trường;
 - Lưu: VT, HS._(Binh)
- MHS: H26.14-240702-0003

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Tấn

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày / /2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải từ bể xí, bồn tiểu.
- Nguồn số 02: Nước thải từ bồn rửa tay và thoát sàn.
- Nguồn số 03: Nước thải nhà bếp.
- Nguồn số 04: Nước thải giặt là.
- Nguồn số 05: Nước thải y tế từ ngâm rửa, vệ sinh dụng cụ của các khoa phòng khám chữa bệnh.
- Nguồn số 06: Nước thải từ hoạt động sắc thuốc khoa Y học cổ truyền.
- Nguồn số 07: Nước thải từ các nồi hấp tiệt trùng.
- Nguồn số 08: Nước thải từ hệ thống lọc RO.
- Nguồn số 09: Nước thải từ tháp xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất 250m³/ngày đêm.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Hệ thống thoát nước chung của khu vực thuộc xã Ngọc Hoà, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí: Hệ thống thoát nước chung của khu vực thuộc xã Ngọc Hoà, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰): X = 2 314 289; Y = 572 395.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 250m³/ngày đêm.**2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.****2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).**

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, K=1,2) và QCVN 14:2008/BTNMT (cột B), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
QCVN 28:2010/BTNMT, Cột B, K = 1,2				Không thực hiện ^(*)	Không thực hiện ^(**)
1	pH	-	6,5 - 8,5		
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60		
3	COD	mg/l	120		

4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		
11	Samonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		
	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K= 1				
14	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	1.000		
15	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		

(*), (**): Theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ các bể xí, bồn tiểu → ống D110 (uPVC) → 11 bể tự hoại (04 bể tại nhà khám đa khoa và điều trị 09 tầng dung tích 20m³/bể, 02 bể tại nhà C dung tích 15m³/bể, 02 bể tại khoa truyền nhiễm dung tích 7,5m³/bể, 01 bể tại khoa kiểm soát nhiễm khuẩn dung tích 6,0m³, 01 bể tại nhà đại thể dung tích 6,0m³, 01 bể tại nhà thường trực dung tích 6,0m³) → đường ống BTCT D300 → bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 250m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải từ bồn rửa tay, thoát sàn → ống D110 (uPVC) → hố ga thoát nước → ống BTCT D300 → bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 250m³/ngày đêm.

- Nguồn số 03: Nước thải bếp ăn → ống D110 (uPVC) → bể tách mỡ (01 bể, có dung tích 60 m³ gần khu nhà C) → ống BTCT D300 → bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 250m³/ngày đêm.

- Nguồn số 04: Nước thải giặt là → ống D110 (uPVC) → hệ thống xử lý nước thải sơ bộ giặt là công suất 10m³/ngày đêm → ống D110 (uPVC) → bể điều hoà của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 250m³/ngày đêm.

- Nguồn số 05: Nước thải y tế từ hoạt động ngâm rửa, vệ sinh dụng cụ của các khoa phòng khám chữa bệnh → khử trùng bằng Cloramin B → ống D110 (uPVC) → ống thu gom BTCT D300 → bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 250m³/ngày đêm.

- Nguồn số 06: Nước thải từ hoạt động sắc thuốc đông y → ống D110 (uPVC) → hố ga thoát nước → ống BTCT D300 → bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 250m³/ngày đêm.

- Nguồn số 07: Nước thải từ các nồi hấp tiệt trùng → ống D75 (uPVC) → hố ga thoát nước → ống BTCT D300 → bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung

công suất 250m³/ngày đêm.

- Nguồn số 08: Nước thải từ hệ thống lọc RO → ống D75 (uPVC) → hố ga thoát nước → ống BTCT D300 → bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 250m³/ngày đêm.

- Nguồn số 09: Nước thải từ tháp xử lý mùi → ống D75 (uPVC) → bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 250m³/ngày đêm.

1.2.1. Hệ thống xử lý sơ bộ nước thải giặt là:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải giặt → Bể thu gom → Bể điều hoà → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng → Bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

- Công suất thiết kế: 10m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: hoá chất trợ keo tụ, tạo bông PAC và PAA.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ các nguồn phát sinh → Bể thu gom và tách rác → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí MBBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải đạt QCVN 28/2010/BTNMT, cột B (K=1,2) và QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (K=1) → Hố ga cuối → Hệ thống thoát nước của khu vực xã Ngọc Hoà, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

- Công suất thiết kế: 250m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOCl.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Có biện pháp ứng phó sự cố kỹ thuật đối với hệ thống xử lý nước thải trong trường hợp hệ thống hoạt động không đạt yêu cầu hoặc ngừng hoạt động, chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, sự cố liên quan đến các thiết bị, máy móc hoặc vận hành.

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của các máy móc thiết bị để có biện pháp sửa chữa, thay thế kịp thời tránh xảy ra sự cố.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi chép sổ nhật ký vận hành theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Thời gian bắt đầu: dự kiến quý IV/2026, thời gian kết thúc: 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 250m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu nước thải đầu vào tại bể điều hòa và 01 mẫu nước thải đầu ra tại hố ga sau xử lý, trước khi ra môi trường.

2.2.2. Thông số và giá trị giới hạn cho phép của các thông số: theo các nội dung được cấp phép tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày

10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải của dự án.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

- Cam kết không phát sinh chất thải phóng xạ trong nước thải.

- Thông báo thời điểm vận hành thử nghiệm tới Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo quy định tại khoản 5 và thực hiện trách nhiệm trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 7 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày / /2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

01 dòng khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.1. Vị trí xả khí thải: Tọa độ xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰): X = 2 314 394, Y = 572 469.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 4.500m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Liên tục (24 giờ).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn: QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội với K_p=1,0 và K_v = 1,0 (áp dụng với khu vực huyện Chương Mỹ cho các thông số: Amoniac và các hợp chất amoni và Hydro sunfua (H₂S)), QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	50 ⁽¹⁾	Không thuộc đối tượng (*)	Không thuộc đối tượng (**)
2	Hydro sunfua (H ₂ S)	mg/Nm ³	7,5 ⁽¹⁾		
3	Metyl mercaptan (CH ₃ SH)	mg/Nm ³	15 ⁽²⁾		

Ghi chú:

- ⁽¹⁾: giá trị giới hạn theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT (K_p=1,0 và K_v=1,0).

- ⁽²⁾: giá trị giới hạn theo QCVN 20:2009/BTNMT.

(*), (**): theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải: khí thải từ các bể xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo đường ống thu khí về tháp xử lý mùi, khí thải sau xử lý theo ống thoát ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Đường ống thu khí → Tháp hấp thụ sử dụng dung dịch NaOH → Quạt hút → Ống thoát khí ra môi trường.

- Công suất thiết kế của quạt hút: 4.500m³/h.

- Thiết kế tháp phản ứng xử lý mùi bằng nhựa PP đường kính 1,2m, cao 2,5m.

- Ống thoát khí bằng nhựa PP đường kính 40cm, cao 4,5m.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: dung dịch NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật vận hành tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra hệ thống xử lý mùi, theo dõi quá trình hoạt động đảm bảo hoạt động ổn định của hệ thống.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để vận hành hiệu quả công trình./.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày / /2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các máy thổi khí, máy bơm được lắp đặt tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 2: Tiếng ồn, độ rung từ các máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

2.1. Vị trí nguồn số 1: Tại khu vực đặt hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Toạ độ: X = 2 314 394, Y = 572 473.

2.2. Vị trí nguồn số 2: Tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

- Toạ độ: X = 2 314 325, Y = 572 506.

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	
1	55	45	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	60	55	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu mỡ, vệ sinh cánh quạt...); máy phát điện đặt phòng cách âm, duy trì các thiết bị máy móc hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn tới mức thấp nhất.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: bố trí thiết bị giảm chấn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày / /2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm	13 01 01	27.545
2	Hoá chất thải có chứa thành phần nguy hại (Nước thải bệnh phẩm từ phòng xét nghiệm)	13 01 02	703
3	Thiết bị y tế vỡ hỏng	13 03 02	17
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	3
5	Dược phẩm gây độc tế bào thải	13 01 03	1
6	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	12
7	Pin, ắc quy thải	16 01 12	8
8	Giẻ lau (từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nhiễm dầu mỡ)	18 02 01	6
9	Vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc nhiễm thành phần nguy hại	18 01 03	6
10	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	15.027
	Tổng cộng		43.328

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	531
2	Rác thải khu vực công cộng	44
3	Bùn thải từ bể tự hoại	175

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Chất thải rắn y tế thông thường có khả năng tái chế khoảng 26 kg/ngày.
- Chất thải rắn y tế thông thường không có khả năng tái chế (bã dược liệu) khoảng 06 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Can hoặc thùng chứa 10 lít.
- Thùng chứa 60 lít, 120 lít và 240 lít.
- Tủ bảo ôn 800 lít.
- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải lưu trữ tại bể chứa bùn.

- Thùng chứa ghi rõ nhãn mác, nhãn cảnh báo nguy hại của từng CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Kho chứa: 01 kho lưu chứa gần khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, diện tích 14m².

- Thiết kế, cấu tạo: khu lưu chứa có mái che, tường xây bao quanh, nền chống thấm; có rãnh, hố ga thu gom CTNH lỏng đổ tràn, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định; trang bị dụng cụ, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường. Khu lưu giữ CTNH bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

- Khu lưu chứa CTNH đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (dán nhãn cảnh báo tên của từng loại CTNH; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo quy định hiện hành; có lắp đặt hệ thống, thiết bị chữa cháy; có vật liệu hấp thụ và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng,...).

2.1.3. Biện pháp xử lý:

- Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Túi, bao bì 200 lít và 500 lít.

- Thùng chứa 5 lít, 20 lít và 240 lít.

2.2.2. Khu vực lưu chứa: 01 kho chứa chất thải rắn tái chế diện tích 14m² và 01 kho chứa chất thải rắn thông thường diện tích 14m² (lưu chứa chất thải y tế thông thường không tái chế cùng với chất thải sinh hoạt) nằm cạnh nhau và gần khoa kiểm soát nhiễm khuẩn.

2.2.3. Biện pháp xử lý:

- Chất thải rắn y tế thông thường được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng chứa 5 lít, 120 lít và 240 lít.

- Thực hiện phân loại rác tại nguồn theo Khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Bùn thải từ bể tự hoại, định kỳ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: kho chứa chất thải rắn thông thường diện tích 14m² (lưu chứa cùng với chất thải y tế thông thường không tái chế) gần khoa kiểm soát nhiễm khuẩn.

2.3.3. Biện pháp xử lý:

- Chất thải sinh hoạt được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn y tế thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ nghiêm túc việc phân loại, thu gom, lưu giữ xử lý và quản lý chất thải y tế theo quy định tại Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong khuôn viên cơ sở và theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Khu lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Điều 36 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Thực hiện các biện pháp an toàn bức xạ, quản lý và xử lý chất thải nhiễm xạ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 13/2018/TT-BKHCN ngày 05/9/2018) của Liên Bộ Khoa học và Công nghệ và Y tế quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố do hóa chất, dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành./.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày / /2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của Dự án.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn và thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường.
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường).
6. Thực hiện các trách nhiệm, yêu cầu khác của đơn vị quản lý hệ thống thoát nước của thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.
7. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường./.